

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2020

(V/v: ly hôn, nuôi con chung).

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Mai Thị Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Đô.

2/ Ông Đỗ Văn Hòa.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 129/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2020 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 258/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2020 giữa:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1994 (Có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 01, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

**Bi đơn:** Ông Lê Thanh H – sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 01, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại nội dung đơn kiện, bản khai nguyên đơn trình bày:**

Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Thanh H chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố P vào ngày 28/4/2016.

Trong quá trình chung sống: thời gian đầu vợ chồng sống bình thường hạnh phúc, bà N đi làm công nhân, ông H làm biển ở phường M kinh tế đủ đống. Thời gian sau này thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông H thường

xuyên đánh đập chửi bới xúc phạm đến cha mẹ bà N, ông H luôn có hành vi bạo lực gia đình, do không thể chung sống được nên bà N tự sống xa ông H từ cuối năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn ông Lê Thanh H.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Lê Ngọc Bảo N1 (nữ) – sinh ngày 27/6/2011. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa, bà N trình bày:** vẫn giữ ý kiến trên, vợ chồng sống chung từ năm 2010 nhưng đến tháng 4/2016 mới đăng ký kết hôn, đến cuối năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Do vợ chồng không còn thương yêu, tin tưởng nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã tự sống xa nhau từ cuối năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: vẫn giữ ý kiến trên, không bổ sung, thay đổi.

**\* Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lê Thanh H nhưng vẫn vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông H về yêu cầu xin ly hôn của bà N.**

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:** Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau :

- Về tố tụng: từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tại phiên tòa hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật và vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thể hiện hôn nhân của ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị N là hợp pháp, ông bà tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố P vào ngày 28/4/2016. Quá trình chung sống ông bà có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm

sống, không thể hàn gắn được với nhau nên đã tự quyết định sống xa nhau từ cuối năm 2016 cho đến nay, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật HNGĐ đề nghị xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà N được ly hôn ông H.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung, hiện nay đang ở với bà N và cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, do đó căn cứ vào Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX xử giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: do bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con nên VKS không có ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung: do bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Thiết, hội đồng xét xử nhận định :

\* **Về tố tụng dân sự:** Bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn là ông Lê Thanh H hiện cư trú tại phường M, thành phố P, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nhưng ông H vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

\* **Về quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân của ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị N là hợp pháp. Ông, bà tự nguyện đi đến hôn nhân, chung sống vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố P vào ngày 28/4/2016. Theo bà N khai: sau khi cưới vợ chồng sống bình thường hạnh phúc được một thời gian sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông H thường xuyên đánh đập chửi bới xúc phạm vợ nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mặc dù vợ chồng cố gắng hòa giải tiếp tục chung sống để nuôi dạy con chung nhưng thực tế vẫn không có kết quả, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên từ cuối năm 2016 đến nay vợ chồng tự sống xa nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn khởi kiện xin ly hôn ông H.

Do ông H vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của bà N.

Xét yêu cầu của bà N HĐXX thấy rằng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo và giao các văn bản tố tụng cho ông H đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông H vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của bà N như vậy chứng tỏ bản thân ông H không có thiện chí trong việc hòa giải với bà N về hôn nhân của mình. Hiện nay ông bà cũng đã tự sống xa nhau từ cuối năm 2016 cho đến nay, không ai còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng gia đình. Như vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để đảm bảo quyền lợi và nhằm ổn định cuộc sống cho các bên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lê Thanh H.

- **Về con chung:** Ông bà có 01 con chung tên Lê Ngọc Bảo N1 (nữ) – sinh ngày 27/6/2011. Xét thấy hiện nay cháu N1 đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng và cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu N1 nên tiếp tục giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- **Về tiền cấp dưỡng nuôi con:** Do bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con nên HĐXX không xét.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Do bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

- **Về án phí:** Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí về việc xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1/ Áp dụng:** khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**2/ Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lê Thanh H.

- Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Lê Ngọc Bảo N1 (nữ) – sinh ngày 27/6/2011 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ngày 11/3/2020 bà Ngà đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu theo biên lai số 0005543, nay chuyển sang án phí và sung công quỹ nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, đối với bà Nguyễn Thị N kể từ ngày tuyên án (17/7/2020), đối với ông Lê Thanh H kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết
- Tòa án tỉnh Bình Thuận
- Thi hành án dân sự Phan Thiết
- Lưu

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(ĐÃ KÝ)*

**Mai Thị Huấn**